

TÒA ÁN ND HUYỆN NGÀ SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH THANH HÓA

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29/11/2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÀ SƠN, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hà.

2. Bà Nguyễn Thị Minh.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hiền - kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 186/2018/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Đinh Thị N – sinh năm 1980

Địa chỉ: xóm 4, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa(có mặt)

* Bị đơn: Anh Mai Văn T – sinh năm 1973.

Địa chỉ: xóm 5, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 9 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Đinh Thị N trình bày.

Về hôn nhân: Chị và anh Mai Văn T kết hôn ngày 11/3/1998 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được đến tháng 8/2010 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, thường xuyên xung đột lẫn nhau, bất đồng về quan điểm sống. Chị bỏ về nhà bố mẹ để sống ly thân từ tháng 7/2011, không quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, đoàn tụ được, nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Mai Văn T.

Về con chung: Chị và anh Mai Văn T có 03 con chung tên là Mai Văn T – sinh ngày 20/3/1999 ; Mai Văn T – sinh ngày 01/01/2007 và Mai Văn T – sinh ngày 05/8/2010. Hiện tại cháu T đã đủ tuổi trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, còn anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Ng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh T không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án nên không có ý kiến của anh T về việc chị Ng yêu cầu ly hôn. Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chỉ có mặt chị Ng, vắng mặt anh T nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Phiên tòa ngày 12/11/2018, anh T vắng mặt không lý do nên HĐXX quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn vắng mặt. Vì vậy, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh T.

Do vụ án liên quan đến người chưa thành niên, Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 BLTTDS.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện N phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của đương sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật. Nguyên đơn chị Đinh Thị Ng đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn anh Mai Văn T không chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đinh Thị Ng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh T cố tình vắng mặt nên không thống nhất được hướng giải quyết của vụ án. Tại phiên tòa anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Đinh Thị Ng và anh Mai Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyện vọng xin ly hôn của chị Ng là hoàn toàn chính đáng, bởi cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không có hạnh phúc, bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xung đột lẫn nhau, mâu thuẫn không thể giải quyết được, vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm đến nhau, chị Ng đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 7/2011 đến nay. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án anh T đã cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Chứng tỏ, anh T không có sự níu kéo, không mong muốn đoàn tụ, tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đinh Thị Ng đối với anh Mai Văn T.

[3] Về con chung: Chị Đinh Thị Ng và anh Mai Văn T có 03 con chung tên là Mai Văn T – sinh ngày 20/3/1999; Mai Văn T – sinh ngày 01/01/2007 và Mai Văn T – sinh ngày 05/8/2010. Xét thấy, cháu Mai Văn T đã đủ tuổi trưởng thành, đã tự lo cho cuộc sống riêng của mình, chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Mai Văn T ở cùng với anh T từ nhỏ, đang có cuộc sống và học hành ổn định, chị Ng đề nghị giao cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế. Đối với cháu Mai Văn T ở cùng với chị Ng từ tháng 7/2011, đang được học hành và có cuộc sống ổn định, chị Ng đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và chị Ng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản: Chị Đinh Thị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Anh Mai Văn T không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Do vậy, cần dành quyền dân sự cho anh T khi có yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị Đinh Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử: Cho chị Đinh Thị Ng ly hôn anh Mai Văn T.

* Về con chung: Giao cháu Mai Văn T – sinh ngày 01/01/2007 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Mai Văn T – sinh ngày 05/8/2010 cho chị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Ng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Ng, anh T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

* Dành quyền dân sự cho anh T khi có yêu cầu giải quyết về con và tài sản.

* Về án phí: Chị Đinh Thị Ng phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị Nguyệt đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0004881 ngày 05/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Chị Ng đã nộp đủ án phí.

* Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị Ng được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Mai Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện N;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện N;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Xuân Hùng